

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/DS-ST
Ngày: 21 - 8 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và ngày 21 tháng 8 năm 2018; tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Lê Kim Q, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: số 9, hẻm 5, đường H, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện ủy quyền cho chị Bùi Lê Kim Q: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1973; Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017); bà P có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N (tự Nguyễn Ngọc H), sinh năm: 1978.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Phước L, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: khóm T, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; ông Võ Phước L vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện ủy quyền cho anh Trần Thanh P: Bà Lê Thị P, sinh năm: 1973, Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2018); bà P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị P (đại diện theo ủy quyền cho chị Bùi Lê Kim Q và anh Trần Thanh P) trình bày: Vào ngày 15/11/2016 âm lịch, vợ chồng chị Bùi Lê Kim Q, anh Trần Thanh P có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Võ Phước L vay số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để làm vốn làm ăn và mua dụng cụ sửa xe mô tô, lãi suất 03%/tháng, hạn 03 tháng sau trả tiền gốc và tiền lãi; khi vay bà N có ký tên vào Biên nhận tiền ngày 15/11/2016 âm lịch. Nhưng đến nay bà N, ông L không trả, mặc dù chị Q đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Nay chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà N, ông L liên đới trả cho chị số tiền vay còn thiếu (gốc) là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), chị không yêu cầu tính lãi trong thời gian qua.

- Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thống nhất có vay tiền của chị Q số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi suất 15%/tháng, bà đã trả cho chị Q 02 tháng tiền lãi là $7.500.000đ \times 2 = 15.000.000đ$ (Mười lăm triệu đồng); đến nay còn thiếu tiền vay (gốc) là 50.000.000đ; mục đích bà vay tiền là để cho người khác vay lại, kiếm tiền lời để sử dụng vào sinh hoạt và ăn uống trong gia đình. Bà không cho ông L biết việc bà vay tiền chị Q, do bà và ông L tự kiếm tiền tiêu dùng riêng, nên ông L không biết tiền sinh hoạt và ăn uống trong gia đình do bà vay chị Q mà có. Nay bà thống nhất trả cho chị Q số tiền vay còn thiếu 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bà không thống nhất cùng ông L liên đới trả số tiền trên, vì ông L không biết, không có liên quan đến việc vay tiền. Bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền lãi bà đã trả cho chị Q.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phước L: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; nhưng ông Võ Phước L đã không hợp tác với Tòa án, ông L cố tình lẩn tránh không đến tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đối với bà Nguyễn Thị N và ông Võ Phước L; nhưng các đương sự vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông L là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Q với bà N làm phát sinh “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Việc chị Bùi Lê Kim Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N, ông Võ Phước L liên đới trả cho chị số tiền vay còn thiếu (gốc) 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi tại đơn yêu cầu ngày 14/12/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2018, bà N thừa nhận có thiếu và thống nhất trả cho chị Q số tiền vay còn thiếu là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); đồng thời, bà N cũng thừa nhận biên nhận tiền ngày 15/11/2016 âm lịch là do bà ký nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Xét, việc bà N khai nại cho rằng ông L không có liên đới trong số tiền vay của chị Q là không có cơ sở. Vì bà N trình bày mục đích bà vay tiền là để cho người khác vay lại, kiếm tiền lời để phục vụ cho sinh hoạt và ăn uống trong gia đình; tại thời điểm vay tiền và đến nay bà N, ông L vẫn chung sống vợ chồng với nhau bình thường, không có ly hôn theo quy định pháp luật. Đồng thời, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, ông L đã cố tình vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án được chứng cứ chứng minh, việc bà N vay tiền là để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, ông L phải có trách nhiệm liên đới với bà N trong việc trả số tiền vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho chị Q là phù hợp theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về tiền lãi, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị Q và bà N không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Lê Kim Q; buộc bà Nguyễn Thị N và ông Võ Phước L liên đới trả cho chị Q số tiền vay còn thiếu là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Lê Kim Q đối với bà Nguyễn Thị N và ông Võ Phước L.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Võ Phước L liên đới trả cho chị Bùi Lê Kim Q số tiền vay còn thiếu (gốc) là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày chị Bùi Lê Kim Q có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Nguyễn Thị N và ông Võ Phước L chưa thi hành xong số tiền nợ trên, thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Phước L liên đới chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Bùi Lê Kim Q không phải chịu án phí; nên chị Q được nhận lại số tiền nộp tạm ứng án phí 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 02328 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị N và ông Võ Phước L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thành Triều